

KHẢO SÁT ĐỘNG THÁI DOANH NGHIỆP VIỆT NAM QUÝ I/ 2011

www.vbis.vn

I. GIỚI THIỆU VBIS

Giới thiệu

Kết quả sản xuất kinh doanh (SX-KD) bền vững của một doanh nghiệp tùy thuộc nhiều vào khả năng thấu hiểu và nắm bắt tình hình để ra quyết định của người lãnh đạo. Trong một thế giới toàn cầu hóa với những biến động nhanh chóng, khó lường, việc các doanh nghiệp Việt nam cùng nhau hợp tác chia sẻ thường xuyên đánh giá và cảm nhận về hiện trạng và triển vọng SX-KD của mình cũng như các yếu tố tác động đến chúng có giá trị đặc biệt cho quá trình hoạch định và thực thi chính sách trên qui mô toàn quốc cũng như cho từng địa phương. Thông tin tổng hợp từ các đánh giá và cảm nhận này giúp cho mỗi doanh nghiệp hiểu rõ hơn diễn biến vừa qua và sắp tới của thị trường để có quyết định sắc bén và kịp thời hơn trong nỗ lực nâng cao kết quả SX-KD của mình. Thông tin này cũng rất hữu ích cho các cơ quan chính phủ và các hiệp hội có đánh giá và hoạch định chính xác hơn với các quyết sách của mình trong cố gắng hỗ trợ và thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển. Khảo sát Động thái Doanh nghiệp VBIS¹ được thực hiện vào đầu năm 2011 bởi Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam (VCCI) với mục tiêu tổng hợp các thông tin này một cách khoa học, sát thực, và nhanh chóng để cung cấp cho lãnh đạo các doanh nghiệp, các hiệp hội, các cơ quan hoạch định và thực thi chính sách, và các chuyên gia phân tích kinh tế-thị trường. Nỗ lực này chỉ có thể thành công nếu có được sự quan tâm và hợp tác chặt chẽ của cộng đồng các doanh nghiệp. Dự án Khảo sát Động thái Doanh nghiệp VBIS được tư vấn bởi Viện Cạnh tranh Châu Á thuộc Trường Chính Sách Công Lý Quang Diệu, ĐHQG Singapore và được tài trợ bởi Quỹ Châu Á (Asia Foundation).

Khảo sát Động thái Doanh nghiệp VBIS quý I/2011 (sau đây sẽ gọi tắt là VBIS quý I/2011) được thực hiện với một lượng mẫu không lớn nhưng chúng tôi nhận thấy rằng chất lượng các câu trả lời rất tốt, thể hiện rõ sự hiểu biết thấu đáo vấn đề và ý thức thành tâm đóng góp của người trả lời. Trong phân tích các kết quả tổng hợp từ trả lời của các doanh nghiệp, có hai cách tiếp cận: một cách thông thường là coi các doanh nghiệp hoàn toàn bình đẳng; một cách khác là tính trọng số của doanh nghiệp trả lời dựa trên các đặc điểm về doanh số, lao động, và địa phương. Cả hai cách tiếp cận đều có điểm mạnh và yếu. Một khi Khảo sát Động thái Doanh

¹ Viết tắt tiếng Anh của Vietnam Business Insight Survey

ngành VBIS đã đi vào giai đoạn hoàn thiện, chúng tôi sẽ có báo cáo tổng hợp thực hiện theo cả hai cách tiếp cận nói trên. Do còn ở giai đoạn thử nghiệm, báo cáo VBIS quý I/2011 dưới đây chỉ tổng hợp kết quả khảo sát theo cách tiếp cận thứ nhất; nghĩa là các doanh nghiệp có trọng số như nhau trong các câu trả lời của họ.

Tóm tắt kết quả chính của khảo sát VBIS quý I/2011:

1. *Động thái cải thiện tình hình SX-KD của các DN trong quý I/2011 khá mạnh mẽ; một mặt do sự chuyển biến rõ rệt thực thấy trong quý I/2010 so với quý IV/2009; mặt khác, do kỳ vọng của DN về sự chuyển biến còn tiếp tục mạnh mẽ trong quý II/2011.*
2. *Động thái cải thiện tình hình SX-KD của các DN trong quý I/2011 thể hiện trên tất cả các yếu tố thành phần; đặc biệt là doanh số, năng suất lao động, giá bán bình quân, hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị.*
3. *Yếu tố có tác động trực tiếp lớn đến sự cải thiện tình hình SX-KD của các DN là sự cải thiện khả năng tiếp cận thông tin của doanh nghiệp, sự gia tăng mạnh mẽ của nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, và sự cải thiện điều kiện hạ tầng giao thông.*
4. *Điểm sáng nổi bật trong các chuyển biến tốt:*
 - *Tiếp cận thông tin thị trường, công nghệ*
 - *Điều kiện hạ tầng giao thông*
 - *Chất lượng chính sách*
 - *Ý thức phục vụ của cơ quan công quyền*
 - *Năng suất lao động*
 - *Hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị*
5. *Điểm yếu cần nỗ lực cải thiện:*
 - *Ổn định kinh tế vĩ mô*
 - *Hiệu lực thực thi chính sách*
 - *Tiếp cận vốn vay*
 - *Cung ứng lao động có nghề*
 - *Cung cấp đất đai và giải phóng mặt bằng*
6. *Trong số các DN khảo sát, 85% hiện phải vay ở mức lãi suất 12-13% trở lên. Mức lãi vay này là quá cao so với hầu hết DN.*
 - *Chỉ có 19% số DN cho rằng mức lãi vay này là hợp lý.*
 - *Trong khi đó, 33% số DN thấy không thể chịu được mức lãi vay này trong lâu dài.*

II. CHỈ SỐ ĐỘNG THÁI

- Chỉ số Động thái Thực thấy (CSĐTTT; tên viết tắt tiếng Anh là VBiSO²) cho mỗi yếu tố được tính bằng cách lấy tỷ lệ DN có đánh giá thực thấy “tình hình tốt lên” trừ đi tỷ lệ DN có đánh giá thực thấy “tình hình xấu đi” trong năm khảo sát so với năm trước đó. Chỉ số CSĐTTT >0 phản ánh động thái thực thấy năm nay được cải thiện so với năm trước. Chỉ số CSĐTTT <0 cho thấy tình hình thực thấy xấu đi. Động thái thực thấy được coi là không đổi nếu CSĐTTT=0; nghĩa là tỷ lệ doanh nghiệp thấy tình hình thực tế tốt lên đúng bằng tỷ lệ doanh nghiệp thấy tình hình thực tế xấu đi.
- Tương tự như vậy, Chỉ số Động thái Dự Cảm (CSĐTDC; tên viết tắt tiếng Anh là VBiSE³) cho mỗi yếu tố được tính bằng cách lấy tỷ lệ DN có đánh giá dự cảm “tình hình tốt lên” trừ đi tỷ lệ DN có đánh giá dự cảm “tình hình xấu đi” trong năm tới so với năm khảo sát. Chỉ số CSĐTDC >0 phản ánh động thái dự cảm năm tới được cải thiện so với năm khảo sát. Chỉ số CSĐTDC <0 cho thấy dự cảm tình hình năm tới xấu đi. Động thái dự cảm được coi là không đổi nếu CSĐTDC=0; nghĩa là tỷ lệ doanh nghiệp dự cảm tình hình năm tới tốt lên đúng bằng tỷ lệ doanh nghiệp dự cảm tình hình năm tới xấu đi.
- Chỉ số Động thái Tổng hợp (CSĐTTH; tên tiếng Anh là VBiSI⁴) là trung bình tích hợp của Chỉ số Động thái Thực thấy CSĐTTT (VBiSO) và Chỉ số Động thái Dự cảm CSĐTDC (VBiSE).

Trong phân tích dựa trên kết quả khảo sát của mỗi năm, ta xem xét trong một cái nhìn tổng hợp cả ba chỉ số, CSĐTTH (VBiSI), CSĐTTT (VBiSO), và CSĐTDC (VBiSE), cho bức tranh tổng thể và cho mỗi yếu tố thành phần của nó. Các phần tiếp theo của báo cáo sẽ đi vào phân tích chi tiết.

III. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

III.1 Đánh giá về tình hình SX-KD của doanh nghiệp quý I/2011

Theo đánh giá của các doanh nghiệp, nhìn chung tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2011 là cơ bản ổn định và tốt lên. Có 42% doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2011 của mình là ổn định, 40% tự đánh giá tình hình kinh doanh tốt hơn quý trước và chỉ có 18% doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn hơn. Điều này cho thấy các doanh nghiệp đã bước đầu vượt qua được tình trạng khó khăn trong giai đoạn sau khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới.

² Chữ O hàm chỉ “Observed”

³ Chữ E hàm chỉ “Expected”

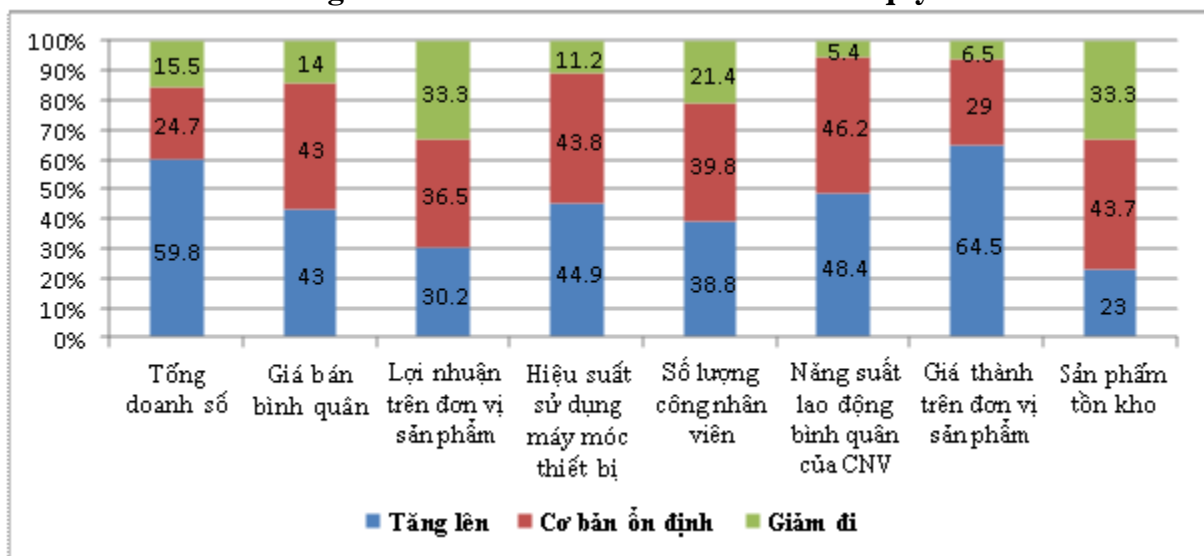
⁴ Chữ I hàm chỉ “Index”; $VBiSI = [(100 + VBiSO)(100 + VBiSE)]^{1/2} - 100$

Hình 1: Đánh giá về tổng thể tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2011



Xét về chi tiết các hoạt động của các doanh nghiệp trong quý I/2011, kết quả khảo sát cho thấy yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là chi phí đầu vào tăng lên làm cho giá thành trên một đơn vị sản phẩm cũng tăng lên. Điều này đã nhận được sự đồng tình của 64,5% số DN tham gia khảo sát. Mặc dù chi phí đầu vào tăng lên, nhưng trong bối cảnh kinh tế khó khăn sau giai đoạn phục hồi, 43% doanh nghiệp đã không thể tăng giá bán, thậm chí có 14% số doanh nghiệp còn giảm giá bán sản phẩm, chỉ có 43% doanh nghiệp là tăng giá bán do chi phí đầu vào tăng lên. Chính vì điều này, mặc dù các doanh nghiệp đã cố gắng nâng cao hiệu suất sử dụng máy móc, tăng năng suất lao động và giảm lượng hàng tồn kho, tuy nhiên chỉ có 30,2% doanh nghiệp tăng được lợi nhuận trên một đơn vị sản phẩm, trong khi có tới 33,3% doanh nghiệp đã có chỉ số này giảm đi (xem Hình 2).

Hình 2: Đánh giá về tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2011

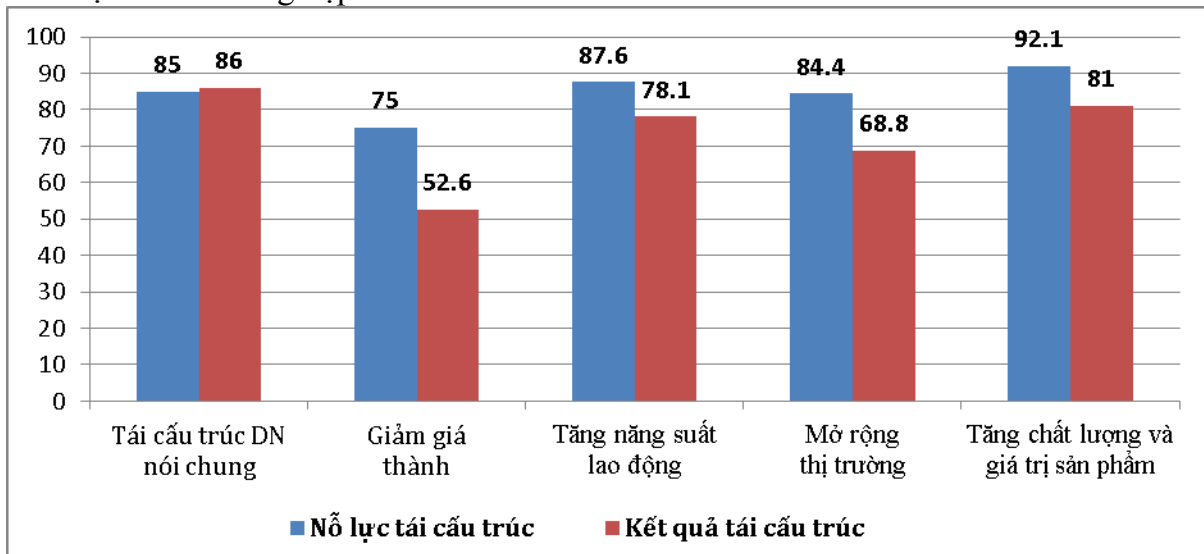


III.2 Tái cấu trúc của doanh nghiệp quý I/2011

Theo thông lệ, sau mỗi cuộc khủng hoảng thường diễn ra các cuộc tái cấu trúc nền kinh tế cũng như tái cấu trúc doanh nghiệp. Do vậy vấn đề tái cấu trúc doanh nghiệp được nhắc đến nhiều nhất trong năm 2010. 85% số doanh nghiệp tham gia khảo sát đã cho rằng doanh nghiệp mình đã nỗ lực cao trong quá trình tái cấu trúc doanh nghiệp và 86% doanh nghiệp hài lòng với kết quả đạt được từ quá trình tái cấu trúc của mình. Tuy nhiên, nếu xem xét chi tiết các trọng tâm của việc tái cấu trúc thì tỷ lệ các doanh nghiệp đạt được mục tiêu đặt ra đều thấp hơn. Trong các trọng tâm của tái cấu trúc, các doanh nghiệp tập trung nhiều nhất vào việc tăng chất lượng và giá trị sản phẩm (chiếm 92,1%) và tỷ lệ các doanh nghiệp hài lòng về kết quả đạt được cũng cao nhất (81%). Hai trọng tâm tiếp theo của tái cấu trúc tập trung vào tăng năng suất lao động (87,6%) và mở rộng thị trường (84,4%). Việc giảm giá thành sản phẩm cũng thu hút được sự chú ý của 75% số doanh nghiệp tham gia phỏng vấn, tuy nhiên tỷ lệ các doanh nghiệp thực sự giảm được giá thành sản phẩm chỉ dừng lại ở con số 52,6%, đây là tỷ lệ thấp nhất trong số 4 trọng tâm của việc tái cấu trúc.

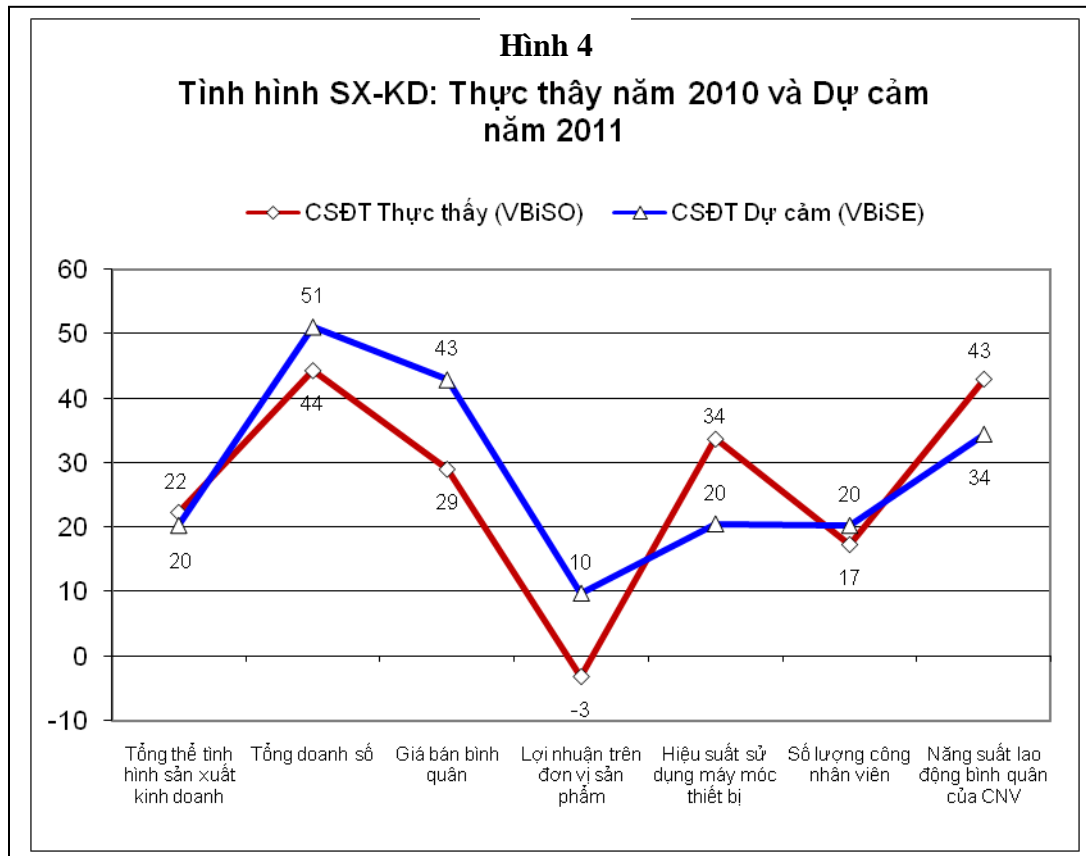
Hình 3: Nỗ lực và kết quả của việc tái cấu trúc của doanh nghiệp trong quý I/2011

Đơn vị : % doanh nghiệp



III.3 Dự cảm về tình hình sản xuất kinh doanh 2010-2011

Chuyển biến tích cực về tổng thể tình hình SX-KD được hỗ trợ bởi sự chuyển biến khá tốt trên tất cả sáu yếu tố cấu thành của nó: doanh số, giá bán bình quân, lợi nhuận trên đơn vị sản phẩm, hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị, tuyển dụng lao động, và năng suất lao động (hình 4):



- Tổng doanh số có xu thế tăng mạnh nhất (VBIS=48) và dự cảm cho năm 2011 (VBISE=51) tăng đáng kể so với năm 2010 (VBISO=44);
- Giá bán bình quân có xu thế tăng mạnh (VBIS=36), và mức tăng dự cảm cho năm 2011 (VBISE=43) còn mạnh hơn so với thực thảy trong năm 2010 (VBISO=29);
- Lợi nhuận trên một đơn vị sản phẩm cũng có xu thế tăng nhẹ (VBIS=3) với mức tăng dự cảm cho năm 2011 (VBISE=10) cải thiện đáng kể so với thực thảy trong năm 2010 (VBISO=-3);

- Hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị có xu thế tăng khá (VBiSI=27) và dự cảm cho năm 2011 (VBiSE=20) có giảm đáng kể so với thực thấy trong năm 2010 (VBiSO=34);
- Tuyển dụng lao động có xu thế tăng khá (VBiSI=19) và dự cảm cho mức tăng trong năm 2011 (VBiSE=20) cải thiện đôi chút so với thực thấy trong năm 2010 (VBiSO=17);
- Năng suất lao động bình quân có xu hướng tăng mạnh (VBiSI=25); tuy nhiên, dự cảm về mức tăng cho năm 2011 (VBiSE=34) có giảm so với mức thực thấy trong năm 2010 (VBiSO=43).

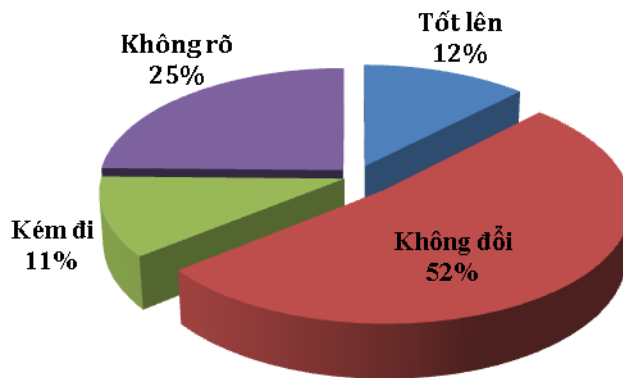
Sự cải thiện mạnh về động thái tình hình SX-KD như trình bày ở phần III được hỗ trợ bởi sự cải thiện về động thái của các yếu tố tác động trực tiếp đến tình hình SX-KD cũng như của môi trường chính sách vĩ mô như phân tích ở phần IV và V dưới đây.

IV. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

IV.1 Đánh giá các yếu tố tác động đến tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2011

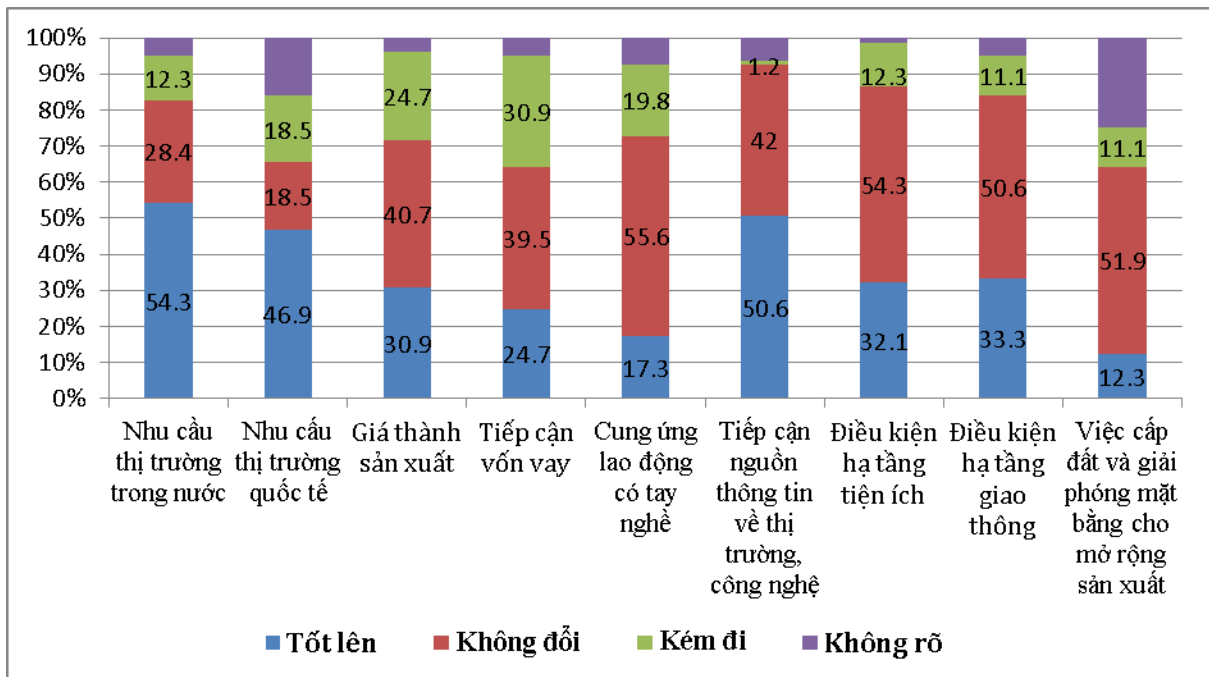
Cũng giống môi trường pháp lý, đa số các doanh nghiệp tham gia khảo sát đánh giá rằng tác động của các điều kiện phục vụ sản xuất kinh doanh đến hoạt động của họ quý I/2011 giống với quý IV/2011. Chỉ có số ít các doanh nghiệp nhận thấy các điều kiện phục vụ sản xuất kinh doanh tốt lên, chiếm 12%, trong khi cũng có đến 11% số các doanh nghiệp cho rằng các điều kiện này đã kém đi so với quý IV/2009.

Hình 5: Đánh giá ảnh hưởng chung của tổng thể điều kiện sản xuất kinh doanh đến hoạt động của doanh nghiệp quý I/2011

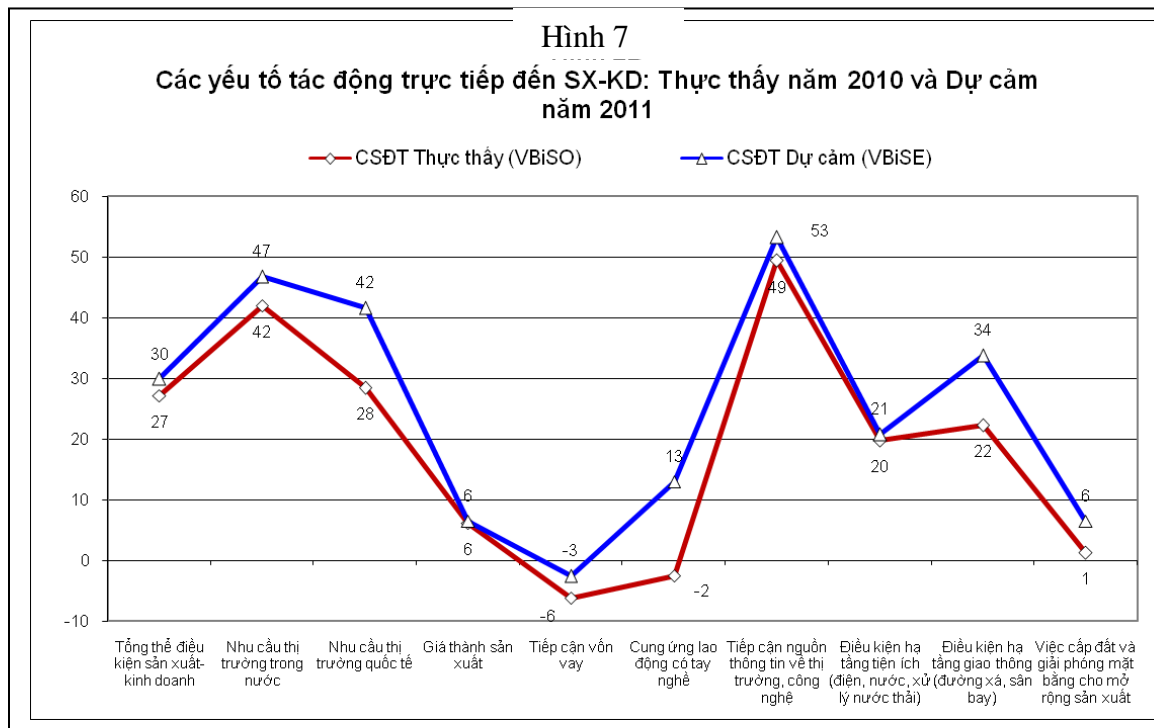


Trong số các điều kiện phục vụ sản xuất kinh doanh, việc gia tăng nhu cầu của thị trường trong nước cũng như quốc tế cộng với việc tiếp cận nhiều hơn các nguồn thông tin về thị trường và công nghệ là 3 yếu tố có tác động tích cực nhất đến hoạt động của doanh nghiệp. Khoảng một nửa số doanh nghiệp được hỏi nhận thấy ba yếu tố này có ảnh hưởng tốt đến hoạt động của doanh nghiệp họ. Trong khi đó, các yếu tố đầu vào bao gồm vốn, nguyên vật liệu và lao động có tay nghề có nhiều ảnh hưởng xấu nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong quý IV/2010 với tỷ lệ lần lượt là 30,9%, 24,7% và 19,8%. Các yếu tố còn lại là điều kiện hạ tầng tiện ích, điều kiện hạ tầng giao thông và việc cấp đất giải phóng mặt bằng cho mở rộng sản xuất nhìn chung vẫn không đổi và mang lại ít thay đổi tích cực cũng như tiêu cực cho các doanh nghiệp trong quý IV/2010.

Hình 6: Đánh giá ảnh hưởng các điều kiện sản xuất kinh doanh đến hoạt động của doanh nghiệp quý I/2011



IV.2 Dự cảm các yếu tố tác động trực tiếp đến SX - KD 2010-2011



Các động lực đầu tàu cho xu thế cải thiện về điều kiện tổng thể cho SX-KD là sự tăng mạnh của khả năng Tiếp cận thông tin thị trường và công nghệ (VBISI=51, VBISO=49, VBISE=53), Nhu cầu thị trường trong nước (VBISI=44, VBISO=42, VBISE=47), Nhu cầu thị trường quốc tế (VBISI=35, VBISO=28, VBISE=42), Điều kiện hạ tầng giao thông (VBISI=28, VBISO=22, VBISE=34), và Điều kiện hạ tầng tiện ích (VBISI=20, VBISO=20, VBISE=21) (Hình 2B). Đặc biệt, sự gia tăng mạnh mẽ khả năng tiếp cận thông tin thị trường và công nghệ của các DN là một dấu hiệu rất có ý nghĩa. Nó không chỉ giúp các DN hoạt động năng động và hiệu quả hơn mà còn cho thấy đầu tư của chính phủ vào CNTT đã thu được kết quả quan trọng.

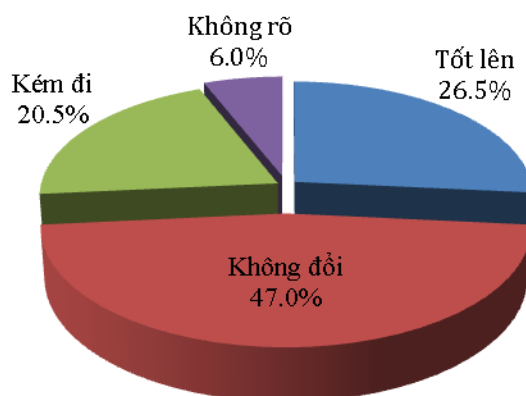
Các điểm yếu bao gồm Tiếp cận vốn vay (VBISI=-4, VBISO=-6, VBISE=-3), Cấp đất và giải phóng mặt bằng (VBISI=4, VBISO=1, VBISE=6), Cung ứng lao động có tay nghề (VBISI=5, VBISO=-2, VBISE=13), và Giá thành sản xuất (VBISI=6, VBISO=6, VBISE=6) (Hình 2B). Ngoại trừ yếu tố Cung ứng lao động có tay nghề, các doanh nghiệp kỳ vọng rất ít vào sự cải thiện các yếu điểm này trong quý II/2011. Điều đó chứng tỏ rằng các yếu điểm này đã tồn tại khá lâu, đòi hỏi chính phủ cần có nỗ lực đặc biệt để cải thiện tình hình.

V. Chính sách và điều hành vĩ mô

V.1 Đánh giá môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô

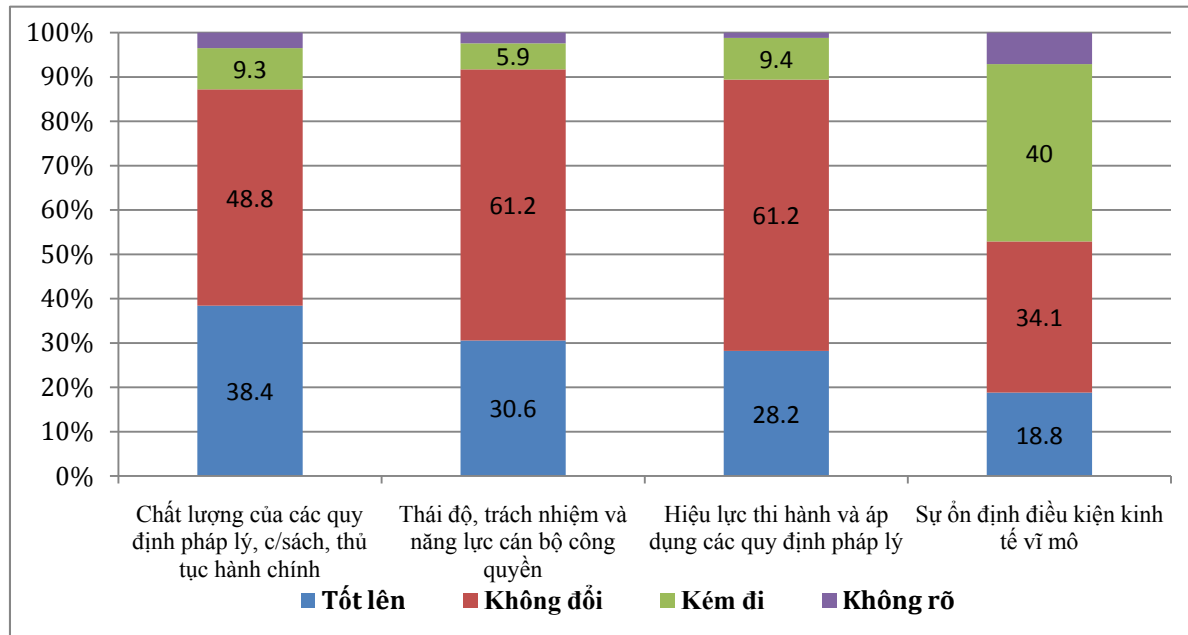
Đánh giá chung của 47% doanh nghiệp tham gia khảo sát về tác động của môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô đến hoạt động của doanh nghiệp quý I/2011 chủ yếu là không thay đổi so với quý IV/2010. Chỉ có 26,5% doanh nghiệp được hỏi được hưởng lợi từ các yếu tố của môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô, trong khi tỷ lệ doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực từ các nhân tố này cũng khá cao, 20,5%.

Hình 8: Đánh giá ảnh hưởng của môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô đến hoạt động của doanh nghiệp quý I/2011



Trong số các ảnh hưởng tiêu cực thì tác động của sự bất ổn kinh tế vĩ mô đến hoạt động của doanh nghiệp là lớn nhất, tới 40% số doanh nghiệp chịu sự tác động tiêu cực từ sự bất ổn này, trong khi chỉ có 18,8% doanh nghiệp cảm thấy các chính sách bình ổn kinh tế vĩ mô của chính phủ có tác dụng tốt đến doanh nghiệp của họ. Rõ ràng, ổn định kinh tế vĩ mô luôn là vấn đề được đặt ra hàng đầu trong năm quý IV/2010 và quý I/ 2011. Quý IV/2010, nhờ các kết quả đạt được từ việc thực hiện Đề án 30, chất lượng của các quy định pháp lý, các chính sách và thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp đã được cải thiện rõ rệt. Đây là yếu tố có tác động tích cực nhất đến hoạt động của các doanh nghiệp trong quý IV/2010 với 38,4% số doanh nghiệp. Hai yếu tố còn lại là “Thái độ, ý thức trách nhiệm và năng lực của các cán bộ công quyền” và “Hiệu lực thực thi và áp dụng các quy định pháp lý” cũng đã có một số cải thiện, tuy nhiên phần lớn các doanh nghiệp vẫn cảm thấy hai yếu tố này không thay đổi so với quý IV/2010.

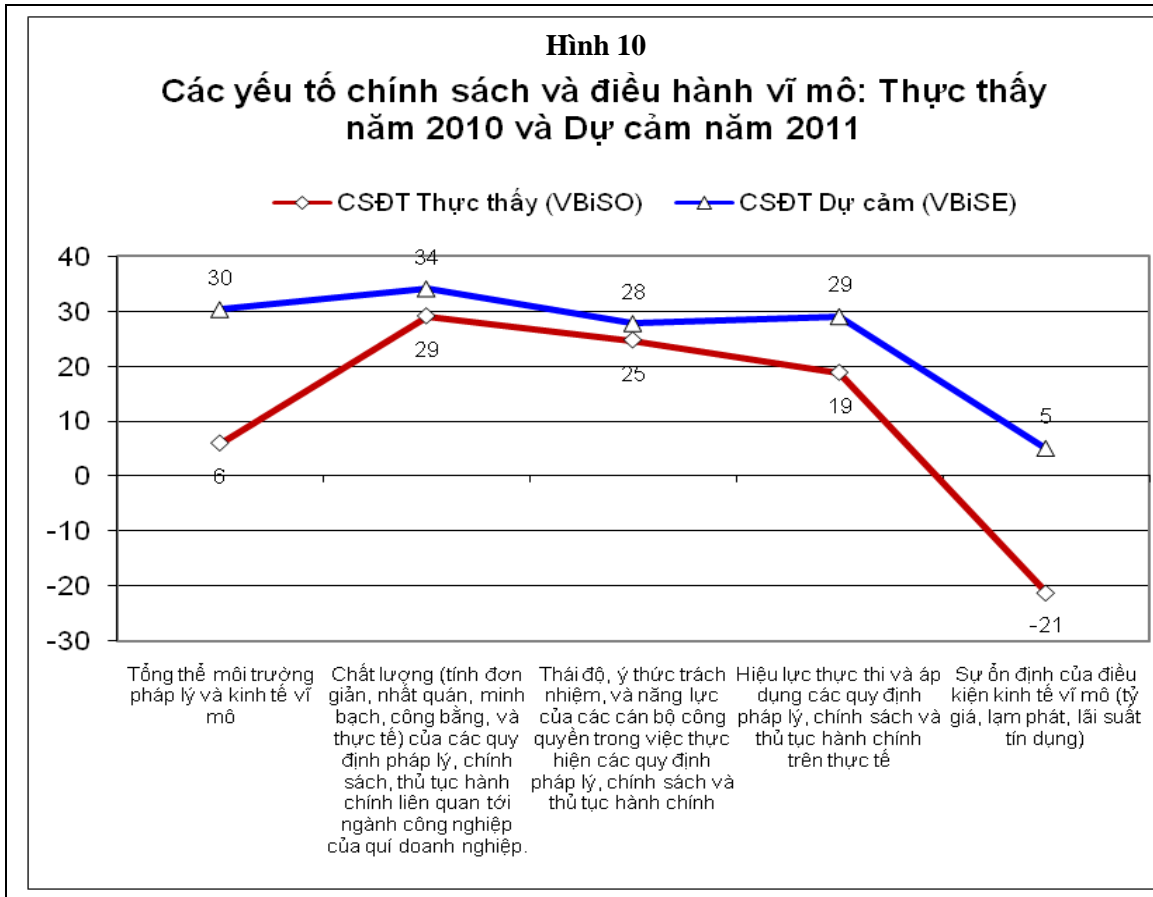
Hình 9: Tác động của các yếu tố của môi trường pháp lý và kinh tế vĩ mô đến hoạt động của doanh nghiệp quý IV/2011



V.2 Dự cảm về các yếu tố liên quan đến chính sách và điều hành vĩ mô.

Yếu tố “Ổn định của điều kiện kinh tế vĩ mô” trong thước đo về môi trường chính sách và điều hành vĩ mô có phần xấu đi trong năm 2010, và các doanh nghiệp kỳ vọng sẽ có cải thiện trong năm 2011 tuy ở mức độ khiêm tốn (VBiSI=-9, VBiSO=-21, VBiSE=5).

Kết quả khảo sát về các yếu tố liên quan đến chính sách và điều hành vĩ mô cho thấy nỗ lực của Chính phủ trong nâng cao chất lượng chính sách và hiệu lực điều hành đã được doanh nghiệp ghi nhận. Hơn nữa, doanh nghiệp có kỳ vọng ngày càng cao hơn vào sự chuyển biến thuận lợi này. Tuy nhiên nỗ lực của Chính phủ trong ổn định vĩ mô chưa đem lại tác động cần thiết. DN vẫn còn trong xu thế lo ngại về vấn đề này. Trờ ngại này có lẽ không ở năm chủ yếu ở chất lượng chính sách và điều hành cụ thể mà có lẽ là ở sự sai lệch trong chiến lược phát triển kinh tế (dẫn đến thâm hụt ngân sách lớn, đầu tư không hiệu quả, lạm phát và lãi suất cao).



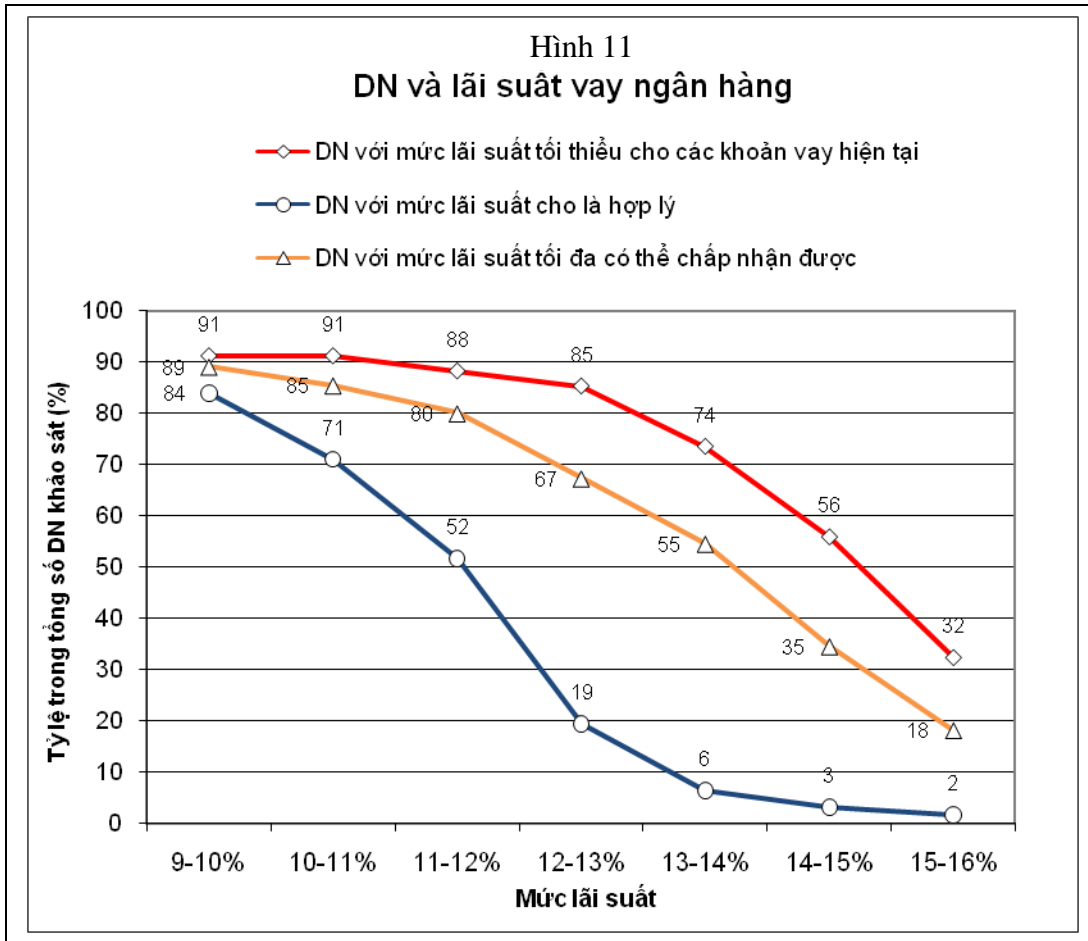
V.3 Khuyến nghị từ ý kiến của DN

Về lãi suất ngân hàng

Hình 11 dưới đây khái quát ý kiến của DN về mức lãi suất cho vay của ngân hàng theo ba góc độ:

- Mức lãi suất tối thiểu cho các khoản vay hiện tại
- Mức lãi suất cho là hợp lý trong bối cảnh hiện tại
- Mức lãi suất tối đa có thể chịu đựng được lâu dài

Hình 11 cho thấy rằng 85% số DN hiện phải vay ở mức lãi suất 12-13% trở lên. Chỉ có 19% số DN cho rằng mức lãi vay này là hợp lý. Nếu buộc phải chấp nhận mức lãi suất này thì chỉ có 67% số DN thấy có thể chịu đựng được. Nghĩa là, 33% số DN sẽ gặp khó khăn nếu phải chịu mức lãi vay này trong lâu dài. Kết quả khảo sát này cho thấy, lãi suất vay 12-13% đã là quá cao. Với mức lãi này, DN sẽ không thấy hợp lý nếu mạnh dạn đầu tư chiều sâu cho phát triển lâu dài. Do vậy, mức lãi này dễ thúc đẩy doanh nghiệp chọn hướng đầu tư cho các thương vụ ngắn hạn hoặc đầu cơ vào có dự án rủi ro nhưng có lãi cao.

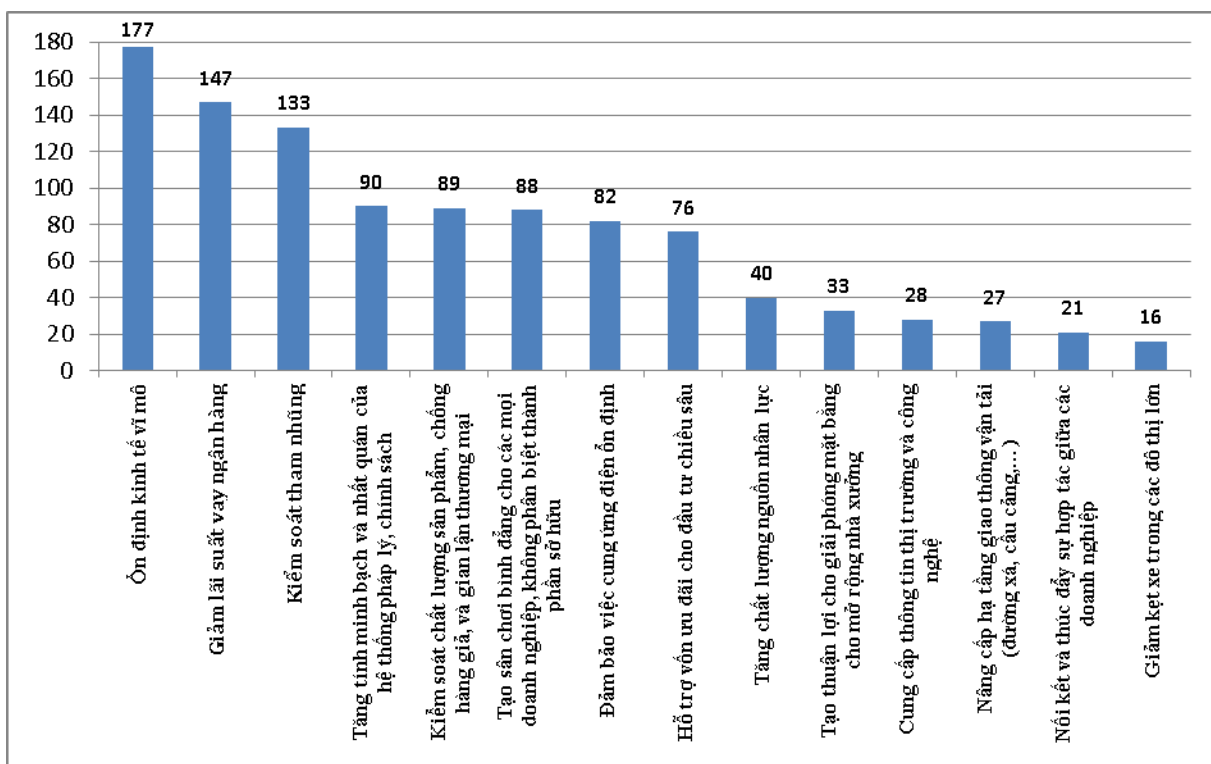


Về các chính sách khác .

Nhằm cải thiện môi trường kinh doanh năm 2011, theo các doanh nghiệp được khảo sát, nhiệm vụ trước tiên và quan trọng nhất của Chính phủ là **ổn định kinh tế vĩ mô**. Việc ổn định kinh tế vĩ mô sẽ giúp cho các doanh nghiệp có điều kiện phát triển tốt hơn trong năm 2011 mà còn có thể hoạch định được các chiến lược kinh doanh của mình một cách lâu dài và bền vững. Ngoài việc ổn định kinh tế vĩ mô, hai nhiệm vụ ưu tiên tiếp theo mà Chính phủ cần phải thực hiện là **giảm lãi suất ngân hàng** và **kiểm soát tham nhũng**. Đây là 3 vấn đề quan trọng nhất mà Chính phủ cần có nỗ lực đột phá trong thời gian tới. Xem hình 12

Hình 12: Nội dung kiến nghị đối với Chính phủ

Đơn vị : điểm quan trọng



Tiếp đến là 5 nội dung quan trọng khác mà các doanh nghiệp mong muốn Chính phủ cần cải thiện, đó là : Tăng tính minh bạch và nhất quán của hệ thống pháp lý, chính sách; Kiểm soát chất lượng sản phẩm, chống hàng giả và gian lận thương mại; Tạo sân chơi bình đẳng cho mọi doanh nghiệp, không phân biệt thành phần sở hữu; Bảo đảm việc cung ứng điện ổn định; Hỗ trợ vốn ưu đãi cho đầu tư chiều sâu.

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN CÁC
DOANH NGHIỆP/ CHUYÊN GIA ĐÃ THAM GIA KHẢO SÁT

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI CÁC DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÝ THÀNH VIÊN:
www.vbis.vn

Nhóm nghiên cứu/ phân tích :

TS. Lương Minh Huân - Viện Phát triển doanh nghiệp/VCCI

Th.s. Đoàn thị Quyên - Viện Phát triển doanh nghiệp/ VCCI

Th. S Lê Chí Hiếu - Đại Học Chính sách công Lý Quang Diệu/ Singapore